

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/KDTM-PT

Ngày 30-01-2026

V/v Tranh chấp hợp đồng

mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân

Các Thẩm phán: Ông Phạm Thái Bình, bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng – Cơ sở 1 xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2025/TLPT-KDTM ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2025/QĐ-PT ngày 07/01/2026 Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Tổng công ty Đ1.

Địa chỉ: G H, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Tấn T - Đội phó Đội quản lý điện T4.

Địa chỉ: Số I T, xã P, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần S.

Địa chỉ: Thôn H, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn Đ, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan T1 – Phó Tổng giám đốc.

Người được ủy quyền lại: Ông Tạ Chí N, sinh năm: 1990.

Địa chỉ liên hệ: Số B, N, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do có kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần S.

Tại phiên toà có mặt: ông Trương Tấn T, ông Tạ Chí N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Tổng Công ty Đ1 do Điện lực T5 thuộc Công ty Đ2 là đại diện theo uỷ quyền ký kết 7 hợp đồng cung cấp mua bán điện với Công ty Cổ phần S (gọi tắt là Công ty S) tại 7 điểm đo theo nơi sử dụng điện là thôn H, xã H, mục đích sản xuất titanium. Cụ thể như sau:

1/Hợp đồng số 24000002 ngày 02/5/2024, điểm đo mã khách hàng PB02020075675.

2/Hợp đồng số 21000518 ngày 08/12/2022, điểm đo mã khách hàng PB02020082515.

3/Hợp đồng số 22000377 ngày 14/6/2022 điểm đo mã khách hàng PB02020084338.

4/Hợp đồng số 22000979 ngày 14/11/2022 điểm đo mã khách hàng PB02020085784.

5/Hợp đồng số 22000738 ngày 14/6/2022, điểm đo mã khách hàng PB02020083631.

6/Hợp đồng số 22000375 ngày 14/6/2022, điểm đo mã khách hàng PB02020005738.

7/Hợp đồng số 22000974 ngày 11/4/2022 điểm đo mã khách hàng PB020200805777.

Trong quá trình thực hiện giữa bên mua và bên bán điện không xảy ra tranh chấp theo 7 hợp đồng đã ký. Tuy nhiên, đến kỳ thanh toán tiền sử dụng điện tháng 10, tháng 11 và tháng 12 năm 2024, phía Công ty S không thanh toán dứt điểm tiền điện 3 kỳ của 6 mã khách hàng là 2.564.800.571 đồng, mặc dù Công ty Đ2 đã phát hành gửi thông báo tiền điện theo điều khoản thỏa thuận. Do công C titan Hưng T2 vi phạm về nghĩa vụ thanh toán nên Tổng Công ty Đ1 yêu cầu Công ty S phải thanh toán:

- Tiền điện còn nợ: 2.564.800.571 đồng.

- Tiền phạt do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 8% của giá trị phải thanh toán tính đến ngày 15/8/2025 là 205.184.044 đồng.

- Lãi chậm trả 217.033.884đồng, lãi chậm thanh toán của tiền phạt vi phạm hợp đồng là 16.745.106 đồng (tạm tính đến ngày 15/8/2025).

Tổng cộng là 3.003.763.605đ (Ba tỷ ba triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn không trăm lẻ năm đồng) đối với 6 mã khách hàng cụ thể như sau:

+Mã khách hàng **PB02020075675** Công ty S nợ tiền điện **1.550.079.667** đồng, lãi chậm thanh toán là 131.286006 đồng, tiền phạt vi phạm là 124.006373 đồng, lãi của lãi phạt 710.129.620 đồng. Tổng cộng là 1.815.501.666 đồng.

+ **Mã khách hàng PB02020082515** Công ty S nợ tiền điện **694.439.720** đồng, lãi chậm thanh toán là 58.741.613 đồng, tiền phạt vi phạm là 55.555.177 đồng, lãi của lãi phạt 34.532.109đồng. Tổng cộng là 813.268.619 đồng.

+ Mã khách hàng **PB02020084338**, Công ty S nợ tiền điện **104.944.563** đồng, lãi chậm thanh toán là 8.984.699 đồng, tiền phạt vi phạm là 8.395.565 đồng, lãi của lãi phạt 693.505 đồng. Tổng cộng là 123.018.332 đồng.

+Mã khách hàng **PB02020085784**, Công ty S nợ tiền điện **97.511.628** đồng, lãi chậm thanh toán là 8.223.714đồng, tiền phạt vi phạm là 7.800.929 đồng, lãi của lãi phạt 634.416 đồng. Tổng cộng là 114.170.687 đồng.

+Mã khách hàng **PB02020083631**, Công ty S nợ tiền điện **113.583.911** đồng, lãi chậm thanh toán là 9.518.284 đồng, tiền phạt vi phạm là 9.086.713 đồng, lãi của lãi phạt 734.112 đồng. Tổng cộng là 132.923.020 đồng.

+ Mã khách hàng **PB02020005738**, Công ty S nợ tiền điện **4.241.082** đồng, lãi chậm thanh toán là 279.568 đồng, tiền phạt vi phạm là 339.287 đồng, lãi của lãi phạt 21.344 đồng. Tổng cộng là 4.881.281 đồng.

*** Đại diện bị đơn Công ty S trình bày:**

Bị đơn thống nhất về số tiền điện hiện nay phía bị đơn chưa thanh toán theo hóa đơn sử dụng là 2.564.800.571 đồng. Đại diện bị đơn Công ty S đồng ý thanh toán khoản nợ tiền điện này.

Đối với yêu cầu chịu thanh toán tiền lãi chậm thanh toán là 217.033.884 đồng, phạt chậm thanh toán là 205.184.044 đồng, lãi của tiền phạt vi phạm hợp đồng là 16.745.106 đồng (tạm tính đến ngày 15/8/2025) phía công ty không đồng ý, sở dĩ phía Công ty S không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán tiền điện kỳ tháng 10, tháng 11 và tháng 12 năm 2024 là do lãnh đạo Công ty và kế toán bị bắt tạm giam vào tháng 11/2024 và yêu cầu tạm dừng giao dịch, chuyển nhượng bất động sản đối với Công ty nên Công ty không hoạt động và không thanh toán được tiền điện cho Công ty Điện lực là do bất khả kháng và trở ngại khách quan nên đề nghị xem xét cho phía Công ty.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện Công ty Đ2 yêu cầu Công Ty Cổ phần S phải thanh toán tiền nợ sử dụng điện của 6 mã khách hàng gồm: **PB02020075675; PB02020082515; PB02020084338; PB02020085784 ; PB02020083631** và **PB02020005738**. Tổng số tiền nợ sử dụng điện chưa thanh toán là 2.564.800.571 đồng; tiền phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 205.184.044 đồng; tiền lãi chậm trả là 234.017.994 đồng (tạm tính đến ngày 06/9/2025) và yêu cầu tiếp tục chịu lãi chậm trả đối với khoản nợ phải có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi Công ty Cổ phần S thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ tiền điện.

Đối với khoản tiền lãi của khoản tiền lãi chậm trả và khoản tiền lãi của tiền phạt vi phạm phía đại diện công ty không yêu cầu Công ty S trả khoản này do điều khoản thỏa thuận không phù hợp quy định pháp luật.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2025/KDTM-ST ngày 06 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Lâm Đồng quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30; điểm b, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 87; Điều 275; Điều 156 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 24; Điều 50; Điều 55; Điều 292; Điều 294; Điều 295; Điều 296 Điều 300; Điều 301; Điều 302; Điều 306; Điều 317; Điều 319 Luật thương mại năm 2005. Án lệ số 09/2016 ngày 17/10/2016 Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao. Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng công ty Đ1.

- Buộc Công ty Cổ phần S phải thanh toán tiền nợ mua điện cho công ty Đ2 số tiền nợ gốc 2.564.800.571 đồng và tiền phạt do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 205.184.044 đồng, tiền lãi suất chậm trả là 234.017.994 đồng. Tổng cộng là 3.004.002.603 đồng (Ba tỷ, bốn triệu hai ngàn sáu trăm lẻ ba đồng) và tiếp tục chịu tiền lãi suất chậm trả theo nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 07/9/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên các quy định khác về quyền và nghĩa vụ thi hành án, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/9/2025, bị đơn Công ty Cổ phần S kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng miễn trách nhiệm đối với số tiền phạt chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán và tiền lãi suất chậm trả.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng Công ty Cổ phần S được miễn trách nhiệm đối với số tiền phạt chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán và tiền lãi suất chậm trả.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:* Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án:*

+ Về thủ tục: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần S là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2025/KDTM-ST ngày 06/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về số tiền điện còn nợ: Bị đơn thống nhất về số tiền điện còn nợ nguyên đơn và đồng ý trả khoản nợ này như án sơ thẩm đã tuyên. Do vậy, cấp phúc thẩm không xét phần này.

[2] Về khoản tiền phạt hợp đồng và lãi chậm thanh toán:

Bị đơn đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 205.184.044 đồng, tiền lãi chậm trả là 234.017.994 đồng, vì trong khoảng thời gian Công ty S nhận được các thông báo thanh toán tiền điện từ Tổng Công ty Đ1 thì Cơ quan điều tra đã khởi tố bị can đối với ông Phạm Văn Đ là Chủ tịch Hội đồng quản trị và kiêm Tổng giám đốc Công ty S, ông Nguyễn Anh T3, là kế toán trưởng của Công ty S và yêu cầu tạm dừng giao dịch, niêm phong các tài sản, tài liệu của Công ty S nên được xem là “xảy ra sự kiện bất khả kháng” và “hành vi vi phạm của một bên do thực hiện quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà các bên không thể biết được vào thời điểm giao kết hợp đồng” thuộc trường hợp miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 294 Luật Thương mại năm 2005.

Xét thấy: Mặc dù trong kỳ hạn trả nợ cho nguyên đơn, một số cán bộ của Công ty S bị khởi tố bị can nhưng cơ quan điều tra không phong tỏa tài sản, tài khoản của Công ty S nên Công ty S vẫn có quyền thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết. Khi kế toán trưởng của công ty bị bắt tạm giam thì công ty vẫn có thể bổ nhiệm, phân công người khác thay thế, đây là vấn đề quản trị nội bộ của công ty. Do vậy, các lý do mà bị đơn đưa ra không phải là sự kiện bất khả kháng dẫn đến loại trừ trách nhiệm với nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty S phải chịu số tiền phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 205.184.044 đồng (8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm); tiền lãi chậm trả (11% số tiền chậm trả) là 234.017.994 đồng (thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng tại địa phương tại thời điểm xét xử sơ thẩm, là có lợi cho bị đơn) là có căn cứ và đúng quy định, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần S. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2025/KDTM-ST ngày 06 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Lâm Đồng.

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 50, Điều 55, Điều 300, Điều 301, Điều 306 Luật Thương mại;

- Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng công ty Đ1. Buộc Công ty Cổ phần S phải thanh toán tiền nợ mua điện cho công ty Đ2 số tiền nợ gốc 2.564.800.571 đồng, tiền phạt do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 205.184.044 đồng, tiền lãi suất chậm trả là 234.017.994 đồng. Tổng cộng là 3.004.002.603 đồng (Ba tỷ, bốn triệu hai ngàn sáu trăm lẻ ba đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất của các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí:

- Về án phí sơ thẩm:

+ Công ty Cổ phần S phải nộp 92.080.052 đồng tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

+ Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 45.371.000 đồng do Tổng công ty Đ1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009507 ngày 04/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Bình- nay là phòng thi hành án dân sự Khu vực 13-Lâm Đồng.

- Về án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần S phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0004559 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Công ty Cổ phần S đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (30/01/2026).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND, VKS khu vực 13 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 13 – Lâm Đồng;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quân